

Số: 387/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 1978

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BÌNH ỔN VÀ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ
MỘT SỐ HÀNG TIÊU DÙNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp ngày 27-10-1962;
- Thi hành nghị quyết số 10/CP ngày 8-1-1978 của Hội đồng Chính phủ về công tác giá cả trong tình hình mới (phần ghi trong phụ lục 3) và công điện số 37/VP6-B ngày 3-3-1978 của Thường vụ Hội đồng Chính phủ về việc thực hiện phụ lục 3 của nghị quyết 10/CP;
- Căn cứ vào sự hướng dẫn của Bộ Nội thương trong các văn bản số 114/NT-VGM, 115/NT-VGM, 117/NT-VGM, 118/NT-VGM, 119/NT-VGM, 122/NT-VGM và 123/NT-VGM ngày 2-3-1978 42/NT-VGM ngày 27-3-1978;
- Theo đề nghị của các đồng chí Giám đốc Sở Thương nghiệp và Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. – Nay ổn định và điều chỉnh giá bán lẻ thống nhất trong toàn thành phố các mặt hàng: mì chính (bột ngọt), thuốc lá điếu, đường kính, sữa đặc đóng hộp, muối, rượu trắng và rượu mùi miền Nam sản xuất, dầu hỏa trong phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. – Sở Thương nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn phương thức phân phối cho các cơ sở thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán trong thành phố.

Điều 3. – Quyết định này có giá trị thi hành từ 0 giờ ngày 1-4-1978.

Điều 4. – Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thương nghiệp, Trưởng Ban Vận động hợp tác xã mua bán, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Vũ Đình Liệu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 1978

BẢNG PHỤ LỤC
VỀ VIỆC ỔN ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN LẺ
MỘT SỐ MẶT HÀNG TIÊU DÙNG
(Kèm theo quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố
số 387/QĐ-UB, ngày 31-3-1978)

Đơn vị tính: đồng tiền miền Nam

I. – Mì chính (bột ngọt)

Giá bán lẻ
cung cấp Giá bán cho các
 nhu cầu khác

a) Mì chính cánh (97%

glutamat natri trở lên)

kg

12đ

64đ

b) Mì chính bột (80%

gluatamat natri trở lên)

kg

9đ6

56đ

II. – Thuốc lá điếu

Giá bán
cung cấp

Giá bán lẻ
bình thường

1. Loại sản xuất ở miền Nam

a) Hải Đảo

Bao 20

0đ40

điếu

b) Vàm Cỏ

—

0đ35

c) Sài Gòn Giải phóng

có đầu lọc

—

8đ00

d) Méliá có đầu lọc

—

7đ00

e) Sài Gòn Giải phóng

không có đầu lọc

—

7đ00

g) Lao động

—

2đ00

2. Loại sản xuất ở miền Bắc

Loại I

a) Điện Biên, D'rao

—

0đ40

b) Tam Đảo, Tam Thanh

—

0đ35

c) Cửu Long

—

0đ30

d) Trường Sơn, Nhị Thanh

—

0đ25

e) Ba Đình	—	7đ20
f) Thăng Long, Bắc Sơn	—	6đ40
g) Thủ Đô, Sông Hương	—	4đ80
i) Xuân Mới	—	3đ60
k) Phù Đổng	—	2đ80
l) Sông Cầu, Sapa	—	2đ00
m) Đồ Sơn	—	0đ80

Loại II

a) Điện Biên, D'rao	—	0đ35
b) Tam Đảo, Tam Thanh	—	0đ30
c) Cửu Long	—	0đ25
d) Trường Sơn, Nhị Thành	—	0đ20
e) Phù Đổng	—	2đ40
g) Sông Cầu, Sapa	—	1đ60
h) Đồ Sơn	—	0đ65

– Đối với các loại thuốc Điện Biên, D'rao, Tam Đảo, Tam Thanh, Cửu Long, Nhị Thành, giá bán trên đây là giá thuốc lá điều bao thường – *Nếu có bao gói giấy thiếc, thì cộng thêm 0đ05 một bao.*

– Giá quy định cho các loại thuốc lá Ba Đình, Thăng Long, Bắc Sơn, Thủ Đô, Sông Hương là có bao gói giấy thiếc – Riêng đối với thuốc lá Ba Đình còn có giấy kính bọc ngoài.

III. – Đường kính

		<i>Giá bán cung cấp</i>	<i>Giá bán cho các đối tượng khác</i>
a) Đường kính trắng, hàm lượng Saccarôsa từ 99,7% trở lên (Văn Điền, RE...)	kg	1đ85	2đ50
b) Đường kính trắng, hàm lượng Saccarôsa từ 99,5% đến 99,7% (Việt Trì, RS...)	kg	1đ70	2đ40
c) Đường kính vàng (ngà)	kg	1đ55	2đ30

IV. – Sữa đặc đóng hộp

*Giá bán cho trẻ em, người ốm
hoặc cho các đối tượng khác*

a) Sữa đặc nhãn hiệu Thống Nhất, Ông Thọ,

Sài Gòn Giải phóng, trọng lượng từ 397gr đến 400gr	hộp		1đ35
b) Sữa đặc hiệu Mẹ Bông Con, Bé Mập, Hòa Bình, trọng lượng từ 395gr đến 400gr	hộp		1đ30
V. – Muối			
a) Muối hạt	kg		0đ16
b) Muối bột	kg		0đ35
VII. – Rượu trắng và rượu mùi			
a) Rượu trắng 40 ⁰ (nước không có chai)	lít		3đ00
b) Rượu đế xuất khẩu 45 ⁰	chai	0,650 lít	4đ20
c) Rượu đế nội địa 45 ⁰	chai	0,650 lít	3đ50
	chai	0,500 lít	2đ80
d) Rượu Rhum đỏ 44 ⁰	chai	0,650 lít	2đ50
	chai	0,500 lít	2đ00
e) Rượu chanh 40 ⁰	chai	0,650 lít	3đ80
	chai	0,500 lít	3đ20
g) Rượu cà phê 30 ⁰	chai	0,650 lít	3đ00
	chai	0,500 lít	2đ50
VII. – Dầu hỏa			
a) Dầu hỏa cung cấp theo định lượng để nấu ăn	lít		0đ32
b) Dầu hỏa để thắp sáng	—		0đ40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Vũ Đình Liệu